

Số: /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: HĐND tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT.

1. Cơ sở chính trị, pháp lý.

1.1 Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

1.2. Cơ sở pháp lý

Thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: “1. *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau: “1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”*. HĐND tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND*); HĐND tỉnh Ninh Thuận (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Ninh Thuận Quy định mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND*).

Tuy nhiên, để có căn cứ cho việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến công thống nhất và phù hợp với quy định tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; đồng thời, để thống nhất cơ chế áp dụng chính sách trên toàn địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau khi sáp nhập tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa), cũng như phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh:

“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”

Theo đó, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thuộc trường hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là cần thiết. Nghị quyết này khi được ban hành sẽ thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND được áp dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập) và Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND được áp dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (trước sáp nhập) theo Công văn số 237/TTHĐND-VP ngày 29/9/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc tiếp tục áp dụng Nghị quyết QPPL theo địa giới hành chính cũ. Theo đó, mỗi tỉnh có quy định về mức chi cụ thể cho hoạt động khuyến công khác nhau; Qua rà soát, đa số quy định mức chi cụ thể trong Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND đều thấp hơn quy định mức chi trong Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND. Như vậy, đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (trước sáp nhập) nhận mức hỗ trợ thấp hơn so với đối tượng thụ hưởng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập). Điều này sẽ tạo nên sự so sánh, khác biệt lớn đối với các đối tượng thụ hưởng giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập.

Bên cạnh đó, hiện nay các căn cứ ban hành Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, cụ thể: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025 đã hết hiệu lực; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 đã hết hiệu lực; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 đã hết hiệu lực; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ.

Đồng thời, Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành

chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025, quy định: tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa được sáp nhập thành tỉnh Khánh Hòa mới, với 65 đơn vị hành chính cấp xã (48 xã, 16 phường, 01 đặc khu). Do sự thay đổi về các quy định căn cứ pháp lý ban hành và sự thay đổi về địa giới hành chính dẫn đến Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND không còn phù hợp với các quy định hiện hành.

Do đó, cần thiết phải Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, để đảm bảo quy định đầy đủ đối tượng áp dụng theo quy định khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ. Đồng thời tạo điều kiện cho các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau sáp nhập) được tiếp cận và nhận mức hỗ trợ chính sách khuyến công như nhau, xóa bỏ rào cản và sự phân biệt về cơ chế hỗ trợ giữa các vùng miền trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy các cơ sở công nghiệp phát triển, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Quy định mức chi cụ thể nhằm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất công nghiệp được hưởng chính sách khuyến công theo quy định. Động viên và huy động các nguồn lực góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp trên địa bàn nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập lao động tại địa bàn nông thôn, thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện khoản 1 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo văn bản

- Dự thảo Nghị quyết phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện; bảo đảm lồng ghép các nguồn lực và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

- Ngày 13/3/2026 UBND tỉnh có Tờ trình số 3960/TTr-UBND trình Thường trực HĐND tỉnh về việc đề xuất áp dụng trình tự thủ tục rút gọn xây dựng “Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

- Ngày 28/4/2026 Thường trực HĐND tỉnh có Văn bản số 270/TT-VP gửi UBND tỉnh về việc phúc đáp nội dung UBND tỉnh trình tại Tờ trình số 3960/TTr-UBND ngày 13/3/2026, trong đó thống nhất việc UBND tỉnh đề xuất áp dụng trình tự thủ tục rút gọn xây dựng “Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

- Ngày 07/5/2026, UBND tỉnh có Văn bản số 6095/UBND-KT về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngày /5/2026, Sở Công Thương có Văn bản số /SCT-QLCN gửi các Sở: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; UBND các xã, phường và đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và của Sở Công Thương để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, thời hạn kết thúc lấy ý kiến:

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan, Sở Công Thương đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số /SCT-QLCN ngày /5/2026.

- Ngày /5/2026, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số /BC-STP về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày /5/2026, Sở Công Thương đã có văn bản số /BC-SCT về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày /5/2026, Sở Tư pháp đã có Văn bản số /STP-NV1 thống nhất với nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Công Thương.

- Sở Công Thương đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trình UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-SCT ngày 5/2026.

- Ngày 5/2026, Văn phòng UBND tỉnh gửi Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh theo Văn bản số /VPUB-KT.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

1.2 Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các

xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh; các làng nghề được UBND cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Bộ cục của Dự thảo Nghị quyết.

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm 05 điều:

- **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.
- **Điều 2.** Đối tượng áp dụng.
- **Điều 3.** Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công địa phương.
- **Điều 4.** Nguồn kinh phí thực hiện.
- **Điều 5.** Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết.

3.1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật.

a) Mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

3.2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật, hỗ trợ áp dụng các sản phẩm, giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

3.3. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi

phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp.

3.4. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

3.5. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

3.6. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

3.7. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô 30 ha; 4.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 30 ha đến 50 ha và 5.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 50 ha.

3.8. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

3.9. Hỗ trợ tổ chức, tham gia bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, cấp tỉnh.

a) Chi tổ chức, tham gia bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần đối với cấp xã và không quá 100 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp xã không quá 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh không quá 04 triệu đồng/sản phẩm.

3.10. Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm do tổ chức dịch vụ khuyến công khác làm chủ đầu tư và các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp.

a) Mức chi hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/phòng trưng bày để tổ chức dịch vụ khuyến công khác mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm.

b) Mức chi hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công

ng nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 40 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực; 50 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt cấp quốc gia để mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm (chỉ hỗ trợ đối với các sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ký Quyết định công nhận).

3.11. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, chi phí di dời máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu, nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3.12. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

3.13. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

3.14. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3.15. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo.

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

b) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công; chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn thông qua Hội nghị, hội thảo, diễn đàn; chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp thực hiện theo

Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 16/10/2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

c) Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công, thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

d) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.16. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam; chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.17. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3.18. Chi các khoản chi phí theo quy định về đi lại, lưu trú, công tác phí đối với cán bộ, viên chức thực hiện công tác khuyến công, chủ cơ sở, công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm công nghiệp nông thôn và sản xuất sạch hơn trong công nghiệp tham gia các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm, hội nghị, hội thảo chuyên đề về khuyến công, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, sản xuất và tiêu dùng bền vững, phát triển làng nghề, ngành nghề, tìm kiếm thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3.19. Chi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

a) Sở Công Thương là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, in ấn, điện nước, chi công tác phí, nước uống, xăng dầu, thuê xe đi nghiệm thu, kiểm tra các đề án của năm trước; chi thẩm định xét

chọn, nghiệm thu đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

3.20. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025*) do Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

3.21. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công sửa đổi, bổ sung (nếu có).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ):

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn kinh phí thực thi Nghị quyết: Chi sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 06 năm 2025, bình quân kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ khoảng 1.822 triệu đồng/năm (đối với Tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập) và 808 triệu đồng/năm (đối với Tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập), tổng kinh phí khuyến công địa phương của Tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập là 2.630 triệu đồng/năm để triển khai thực hiện các nội dung khuyến công như: nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp; hỗ trợ mô hình ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; hoạt động phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công.

Sau khi thực hiện sáp nhập 02 tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, hiện tỉnh Khánh Hòa (mới) có 64 xã, phường, do đó, địa giới hành chính được mở rộng. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công, trong đó đã mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách khuyến công, bổ sung nội dung hỗ trợ khuyến công để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nông thôn; đồng thời tỉnh Khánh Hòa cũng đang tập trung phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích áp

dụng các giải pháp về quản lý, sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; chuyển đổi nhiên liệu, sản phẩm theo hướng xanh hóa; thực hiện chuyển đổi xanh trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Do vậy, dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với số tiền 6.649,67 triệu đồng/năm. Chênh lệch tăng so với thực hiện theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh, Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh (đối với Khánh Hòa) và Quyết định số 99/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 (đối với Tỉnh Ninh Thuận) số tiền 4.019,67 triệu đồng.

2. Nguồn nhân lực triển khai thực thi Nghị quyết: không phát sinh thêm nguồn nhân lực khi Nghị quyết được thông qua.

3. Điều kiện đảm bảo thi hành khi Nghị quyết được thông qua: Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Dự kiến thời gian trình HĐND tỉnh thông qua: tháng 7/2026.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cơ bản căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công, các mức chi quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và kế thừa mức chi tại Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Ninh Thuận Quy định mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 27/8/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công, trong đó đã mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách khuyến công, bổ sung nội dung hỗ trợ khuyến công, ngành nghề ưu tiên được hỗ trợ, tuy nhiên đến nay các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành quy định nội dung chi, mức chi, đối tượng áp dụng đối với các thay đổi, bổ sung nêu tại Nghị định số 235/2025/NĐ-CP, nên UBND tỉnh chưa có cơ sở tham mưu HĐND tỉnh bổ sung, ban hành các quy định mới. Do đó tại dự thảo Nghị quyết này có quy định mở “*Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công sửa đổi, bổ sung (nếu có)*”. UBND tỉnh xin ý kiến HĐND tỉnh quyết định.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

(Xin gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Báo cáo số /BC-STP ngày /5/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết;

- Văn bản số /STP-NV1 ngày /5/2026 của Sở Tư pháp thống nhất với nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Công Thương sau thẩm định;

- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo; Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản mới ban hành so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và toàn bộ hồ sơ liên quan khác).

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Công Thương;
- Trung Tâm XTĐT, TM và DL tỉnh;
- VPUB: LĐ, KT, TH;
- Lưu: VT.DN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Hoàng